TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2018.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 334/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 về: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị A – sinh năm 1985, có mặt.

Nơi cư trú: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1986, vắng mặt.

Nơi cư trú: khu phố Ph, thị trấn G, huyện Gò Quao, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2017, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị A như sau: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn S vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang, ngày 18/12/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống chung với gia đình ông S, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc, đến tháng 02/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong việc làm ăn, chồng bà chỉ lo nhậu nhẹt mà không lo làm ăn nên vợ chồng bà thường hay cự cãi. Đến tháng 10/2014 thì bà bỏ nhà đi làm thuê ở Bình Thuận và từ đó vợ chồng bà sống ly thân với nhau cho đến nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân với nhau bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 01 đứa con chung với nhau tên Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007 và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông S không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S và bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007 và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối

với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của bà Trần Thị A và ông Nguyễn Văn S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông S không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn S.

[2]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị A và ông Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109 quyển I, ngày 18/12/2006, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà A và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ngày 09/5/2018 Tòa án làm việc với bà Lê Thị Em là mẹ ruột của ông S để xác minh về hôn nhân của bà A và ông S thì được bà Em cung cấp thông tin rằng bà Trần Thị A và ông Nguyễn Văn S kết hôn với nhau vào năm 2006, ông bà có đăng ký kết hôn và hiện có 01 người con chung tên Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì bà Em thấy vợ chồng bà A và ông S không có cãi nhau hoặc đánh nhau nhưng bà A đã bỏ nhà đi đến nay đã hơn 03 năm không về. Qua xác minh Ông Lý Hoàng Minh là Trưởng khu phố Phước Thành Lập, thị trấn Gò Quao thì ông Minh Khai vợ chồng bà A và ông S đều có hộ khẩu tại khu phố Phước Thành Lập, thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, Hiện nay bà A đã bỏ địa phương đi làm ăn xa còn ông S thì đi làm thuê ở địa phương. Ông không nghe nói gì về tranh chấp giữa vợ chồng bà A và ông S.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà A và ông S là hôn nhân tự nguyện nhưng ông bà chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau, nên khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp, bà A cho rằng vợ

chồng bà bất đồng ý kiến trong việc làm ăn do chồng bà không lo làm ăn, không quan tâm lo lắng cho vợ con lại còn hay nhậu nhẹt, thấy vậy nên tháng 10/2014 bà đã bỏ địa phương đi Bình Thuận làm thuê và từ đó vợ chồng bà sống sống ly thân với nhau cho đến nay, phía ông S không có liên lạc gì với bà. Ngày 05/02/2018 và ngày 26/4/2018 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông S không có mặt tại Tòa án còn bà A thì cương quyết xin ly hôn với ông S. Xét thấy vợ chồng bà A và ông S đã sống ly thân với nhau nhiều năm và ông bà không tự hàn gắn được cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được vì vậy áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[4]. Về con chung: Bà A và ông S có 01 người con chung tên Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007 hiện cháu Tường V đang sống chung với gia đình bà A. Bà A xin được quyền nuôi con, ông S hiện không nuôi cháu Tường V và cũng không có ý kiến gì về quyền nuôi con. Mặt khác cháu Tường V có bản tự khai với nguyện vọng xin được sống chung với bà A nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007 cho bà A chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tường V trưởng thành.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trần Thị A phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000189, ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị A và ông Nguyễn Văn S được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V – sinh ngày 14/5/2007 cho bà A chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tường V trưởng thành.

Ông S không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm Bà Trần Thị A phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0000189, ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thị Thùy Trang